

Số: 2906 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người cách ly y tế (F1) do đại dịch COVID-19 tại cơ sở cách ly y tế tạm thời thuộc các phường: Quyết Thắng, Tân Vạn của thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 12265/TTr-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 235/TTr-LĐTBXH ngày 24 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế (F1) do đại dịch COVID-19 tại cơ sở cách ly y tế tạm thời thuộc các phường: Quyết Thắng, Tân Vạn của thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ cho 32 người với kinh phí hỗ trợ là 35.520.000 đồng, trong đó có 03 trẻ em (dưới 16 tuổi) với kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 38.520.000 đồng (ba mươi tám triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế (F1) được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi





**DANH SÁCH HỖ TRỢ CHO NGƯỜI CÁCH LY Y TẾ (F1) DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TẠI CƠ SỞ CÁCH LY Y TẾ TẠM THỜI
THUỘC CÁC PHƯỜNG: QUYẾT THẮNG, TÂN VẠN CỦA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (ĐỢT 1)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2906 /QĐ-UBND ngày 25 / 8 /2021 của UBND tỉnh)

STT	STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu cách ly	Ngày kết thúc cách ly	Số ngày cách ly	Hỗ trợ tiền ăn (ĐVT: đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em (ĐVT: đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	

1. Phường Quyết Thắng

1	1	Tăng Thùy Diễm		1987	116/2/12 KP2, P. Quyết Thắng	11/7/2021	24/7/2021	14	1.120.000		
2	2	Phạm Tuấn Anh	1987		123, Hà Huy Giáp, khu phố 2, P. Quyết Thắng	12/7/2021	25/7/2021	14	1.120.000		
3	3	Đỗ Hoàng Duy Tài	2004		377/53/6/4 Khu phố 3, P. Quyết Thắng	12/7/2021	25/7/2021	14	1.120.000		
4	4	Trần Thanh Bảo Khánh		1998	40/23 Hà Huy Giáp, khu phố 2, P. Quyết Thắng	12/7/2021	25/7/2021	14	1.120.000		
5	5	Phan Huy Vũ	1977		165A, CMT8, P. Quyết Thắng	12/7/2021	25/7/2021	14	1.120.000		
6	6	Phan Văn Danh	1970		98/16/12 khu phố 2, P. Quyết Thắng	12/7/2021	25/7/2021	14	1.120.000		
7	7	Phan Trần Nhật Duy	1995		98/16/12 khu phố 2, P. Quyết Thắng	12/7/2021	25/7/2021	14	1.120.000		
8	8	Phan Trần Khánh Duyên		2002	98/16/12 khu phố 2, P. Quyết Thắng	12/7/2021	25/7/2021	14	1.120.000		

STT	STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu cách ly	Ngày kết thúc cách ly	Số ngày cách ly	Hỗ trợ tiền ăn (ĐVT: đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em (ĐVT: đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
9		Trần Thị Thu Vân		1954	108/20/19 CMT8 Khu phố 3, P. Quyết Thắng	13/7/2021	26/7/2021	14	1.120.000		
10		Nguyễn Thị Ngọc Oanh		1979	160/22/41 B Khu phố 3, P. Quyết Thắng	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		
11		Nguyễn Thị Ngọc Sương		1957	160/14/18 Khu phố 3, P. Quyết Thắng	14/7/2022	27/7/2022	14	1.120.000		
12		Lê Thanh Hòa	1976		191/9 Khu phố 3, P. Quyết Thắng	14/7/2023	27/7/2023	14	1.120.000		
13		Lê Thị Ngọc Trâm		1979	Số 5K, khu phố 2, P. Quyết Thắng	16/7/2021	29/7/2021	14	1.120.000		
14		Lưu Thị Bích Huyền		1973	30/3/1 khu phố 2, P. Quyết Thắng	16/7/2021	29/7/2021	14	1.120.000		
15		Thái Quang Hào	2002		7/1D khu phố 2, P. Quyết Thắng	16/7/2021	29/7/2021	14	1.120.000		
16		Phạm Minh Hậu	1993		65/01 khu phố 1, P. Quyết Thắng	18/9/2021	31/7/2021	14	1.120.000		
17		Huỳnh Văn Út	1964		18/21/4B Khu phố 4, P. Quyết Thắng	19/7/2021	01/8/2021	14	1.120.000		
18		Nguyễn Thị Bích Thủy		1958	18/21/32 Khu phố 4, P. Quyết Thắng	19/7/2022	01/8/2022	14	1.120.000		
19		Trần Thị Mai Hương		1965	160/87F Khu phố 3, P. Quyết Thắng	19/7/2023	01/8/2023	14	1.120.000		
20		Lưu Hoàng Kim Sơn	2020		30/3/1 KP2, P. Quyết Thắng	16/7/2021	29/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	Trẻ em



STT	STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu cách ly	Ngày kết thúc cách ly	Số ngày cách ly	Hỗ trợ tiền ăn (ĐVT: đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em (ĐVT: đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
21	21	Huỳnh Tuấn Đạt	2007		18/21/4B Kp4, P.Quyết Thắng	19/7/2021	01/8/2021	14	1.120.000	1.000.000	Trẻ em
22	22	Nguyễn Thị Hồng Vân		13/9/2005	948 Vườn Dừa, P.Phước Tân, TP.Biên Hòa	12/7/2021	25/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	Trẻ em

2. Phường Tân Vạn

23	1	Lê Ngọc Trung	03/8/1985		A3/61, Khu phố 3, P. Tân Vạn	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		
24	2	Nguyễn Thị Kim Tư		10/4/1989	A1/132A, Khu phố 1, P. Tân Vạn	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		
25	3	Tạ Thị Hồng Liên		10/5/1991	Nhà không số (Đổi điện là nhà A2/60), Khu phố 2, P. Tân Vạn	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		
26	4	Lê Thị Hằng		09/4/1990	A1/75, Khu phố 1, P. Tân Vạn	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		
27	5	Tấn Công Nhân	14/3/1985		Khu lò gạch, Khu phố 4, P. Tân Vạn	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		
28	6	Trần Thị Ngọc Ngân		11/12/1981	A3/247, Khu phố 3, P. Tân Vạn	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		
29	7	Đặng Hoàng Anh Tuấn	23/3/1993		A1/186D, Khu phố 1, P. Tân Vạn	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		
30	8	Vì Quốc Tuấn	15/12/1990		A4/115A, Khu phố 4, P. Tân Vạn	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		

STT	STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu cách ly	Ngày kết thúc cách ly	Số ngày cách ly	Hỗ trợ tiền ăn (ĐVT: đồng)	Hỗ trợ thêm cho trẻ em (ĐVT: đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
31	9	Võ Xuân Thạo	22/11/1995		A1/77A, Khu phố 1, P. Tân Vạn	23/7/2021	03/8/2021	12	960.000		
32	10	Nguyễn Thị Kim Oanh		01/9/2002	A2/34/58, Khu phố 2, P. Tân Vạn	23/7/2022	03/8/2021	12	960.000		
					TỔNG CỘNG					38.520.000	

Tổng kinh phí hỗ trợ: 38.520.000 đồng
 Bằng chữ: Ba mươi tám triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng chẵn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi